

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02A/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02-02-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thẩm

Ông Phạm Đức Lịch

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị C, sinh năm 1992.

ĐKKH tại thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh D.

Nơi cư trú: Đội 1 thôn N, xã K, huyện L, thành phố P.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Viết D, sinh năm 1991.

ĐKKH và cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện H, D

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964;

Cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh D.
(Chị C có mặt; anh Dg và bà T đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 24-7-2017, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ, nguyên đơn chị Phạm Thị C trình bày: Chị và anh Nguyễn Viết D tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H vào ngày 01-7-2012. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, xuất phát từ việc không cùng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, anh D chơi bời nghiện không lo làm ăn và không chăm sóc vợ con. Tháng 1/2017, chị C về L nhà mẹ đẻ ở hẳn, vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân anh D không đến gặp và tìm đón chị về, vẫn chơi bời và không có trách nhiệm với gia đình. Chị xác định không còn tình cảm với anh D, không thể quay về chung sống cùng nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà L, sinh ngày 18-12-2012; Nguyễn Viết Quang M, sinh ngày 18-2-2015; hiện cháu L đang ở cùng chị, cháu M đang ở với ông bà nội. Chị đề nghị sau ly hôn chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 2 con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp hai bên gia đình: chị xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Tòa để hướng dẫn viết bản tự khai, lấy lời khai; thông báo phiên phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo quan điểm của nguyên đơn cho anh D thông qua bà T (mẹ đẻ anh D); bà T xác nhận đã điện thoại thông báo cho anh D về nội dung các giấy tờ trên nhưng anh D đều không có mặt tại Tòa và không gửi ý kiến bằng văn bản thể hiện quan điểm về việc chị C xin ly hôn.

Biên bản xác minh ngày 14-11-2017, chính quyền địa phương, UBND xã T cung cấp: Anh D là đối tượng nghiện ma túy sống lang thang thỉnh thoảng mới về nhà nên thường xuyên bỏ mặc không quan tâm đến vợ con. Thông qua người thân của anh D được biết giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều xô sát, đã từ lâu chị C phải nuôi con một mình. Đầu năm 2017 đến nay chị C về nhà mẹ đẻ ở hẳn, vợ chồng ly thân, gần đây chị C có đưa 01 con trai về xã T cho ông bà nội chăm sóc. Người thân của anh D chia sẻ vợ chồng không thể quay về đoàn tụ với nhau được. Đề nghị Tòa án xem xét giải

quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay anh D đi lang thang không có khả năng chăm sóc nuôi con. Trường hợp chị C có nguyện vọng và khả năng nuôi hai con, đề nghị Tòa chấp nhận nguyện vọng xin nuôi hai con của chị Cúc.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14-11-2017; 18-12-2017; bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh D) trình bày: Xuất phát từ việc anh D không chịu khó làm ăn chăm lo cuộc sống cho gia đình nên từ tháng 1/2017 chị C về L, P nhà mẹ đẻ ở hẳn, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh D không tìm gặp chị C mà chỉ có bà đến gặp và khuyên chị C về nhưng chị C nhất định xin ly hôn. Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo quan điểm của nguyên đơn, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án giao cho anh D. Do anh D đi làm ăn không có mặt ở nhà, bà đã điện thoại thông báo lại cho anh D toàn bộ nội dung các giấy tờ trên, anh D có quan điểm là mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, anh từ chối đến Tòa làm việc và không gửi quan điểm bằng văn bản cho Tòa; anh D cũng không đưa ra được biện pháp để khắc phục tình trạng ly thân của vợ chồng hiện nay. Bà và gia đình khuyên anh D nếu không quay về được thì đến Tòa giải quyết ly hôn cho vợ chồng đỡ mệt mỏi nhưng anh D vẫn từ chối không đến Tòa. Nếu chị C vẫn kiên quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai vẫn vắng mặt anh D; chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về đoàn tụ, giữ nguyên yêu cầu ly hôn và đề nghị được nuôi hai con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng (nguyên đơn) trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến tham gia phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ

phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, cho chị Phạm Thị C ly hôn anh Nguyễn Viết D; giao 02 con chung Nguyễn Hà L, sinh ngày 18-12-2012 và Nguyễn Viết Quang M, sinh ngày 18-2-2015 cho chị C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị C có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Nguyễn Viết D, cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện H, D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

Quá trình thu thập chứng cứ anh D là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh D tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, H, D vào ngày 01-7-2012, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C, Hội đồng xét xử thấy: quá trình chung sống chị C và anh D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do anh D nghiện, chơi bời, thường xuyên sống lang thang, bỏ mặc một mình chị Cúc làm ăn nuôi con trong suốt nhiều năm. Chị C bỏ về nhà mẹ đẻ ở được một năm, hai người không còn liên lạc quan tâm đến nhau. Ngay cả khi anh D biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị C; anh nhận được thông tin về thời gian địa điểm Tòa án tiến hành hòa giải nhưng anh vẫn không đến, không gửi quan điểm bằng văn bản, điều đó chứng tỏ anh D không còn tình thương yêu chị C và không muốn đoàn tụ thực sự. Thông qua bà T, anh D xin đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được biện pháp gì để khắc phục được tình trạng ly thân hiện nay của vợ chồng. Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị C anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại, yêu cầu xin ly hôn của chị C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị C anh D có 02 con chung là Nguyễn Hà L, sinh ngày 18-12-2012 và Nguyễn Viết Quang M, sinh ngày 18-2-2015. Quá trình thu thập chứng cứ Tòa án đã thông báo quan điểm của chị C cho anh D biết nhưng anh D không có ý kiến gì. Xét nguyện vọng xin chăm sóc nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con của chị C, Hội đồng xét xử thấy: chị C làm công nhân tại Công ty TNHH YAZAKI Hải Phòng theo Hợp đồng lao động số 17-36494 ngày 18 tháng 10 năm 2017; mức thu nhập từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ, có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ đẻ tại thôn N, xã K, huyện L, thành phố P; trong khi anh D hiện nay đang sống lang thang, không có việc làm và chỗ ở ổn định, việc giao con cho anh D chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian này là chưa phù hợp, do vậy cần giao cả hai con chung cho chị C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con thành niên hoặc khi chị C anh D có yêu cầu khác; việc chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ, công sức đóng góp hai bên gia đình: Chị C xác định không có; anh D không có ý kiến khác nên không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Chị C là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị C ly hôn anh Nguyễn Viết D.

Về quan hệ con chung: Sau ly hôn, giao hai con chung là Nguyễn Hà L, sinh ngày 18-12-2012 và Nguyễn Viết Quang M, sinh ngày 18-2-2015 cho chị Phạm Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con đến khi thành niên hoặc khi chị C anh D có yêu cầu khác;

Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị C.

Về án phí: Chị C phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số AB/2014/0000994 ngày 05-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án. /.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thúy

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã Tân An;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thúy

